

2. Sửa đổi Điều 5 như sau:

Điều 5. Đài Truyền hình Việt Nam thực hiện chế độ tiền lương, thu nhập theo quy định tại Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu và thực hiện chế độ nhuận bút theo quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về chế độ nhuận bút”.

3. Sửa đổi khoản 4 Điều 8 như sau:

“Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn việc xây dựng định mức lao động cho Đài Truyền hình Việt Nam”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2003.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 85/2003/QĐ-TTg ngày 06/5/2003
về việc thực hiện chế độ tài chính
đối với Đài Tiếng nói Việt Nam.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 2 năm 1998 và Nghị định số 38/1998/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2001 - 2010 ban hành kèm theo Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu;

Căn cứ Nghị định số 53/CP ngày 16 tháng 8 năm 1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Đài Tiếng nói Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Tổng giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chế độ tài chính đối với hoạt động của Đài Tiếng nói Việt Nam trong năm 2003.

Điều 2. Việc thực hiện chế độ tài chính đối với Đài Tiếng nói Việt Nam phải bảo đảm các mục đích, yêu cầu sau đây:

1. Hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đài theo quy định của Chính phủ;

2. Đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế quản lý lao động, quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động của Đài Tiếng nói Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác; thực hành tiết kiệm chống lãng phí để tạo điều kiện đầu tư phát triển ngành, tăng thu nhập, cải thiện đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và gắn trách nhiệm với lợi ích của công chức, viên chức của Đài trong hoạt động nghiệp vụ;

3. Thúc đẩy việc tổ chức, sắp xếp công việc khoa học, tổ chức bộ máy tinh gọn, nâng cao hiệu quả, hiệu lực bộ máy trong việc thực hiện các nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao;

4. Thực hiện đúng các quy định của Luật Báo chí và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí, các văn bản hướng dẫn Luật và các quy định khác về hoạt động báo chí;

5. Thực hiện công khai, dân chủ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Về sử dụng biên chế, lao động

1. Đài Tiếng nói Việt Nam được chủ động sử dụng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao; sắp xếp và quản lý lao động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Đài theo Pháp lệnh Cán bộ, công chức và chủ trương tinh giản biên chế của Nhà nước;

2. Đài được thực hiện việc tuyển dụng, thuê mướn lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động và phù hợp với khả năng tài chính của Đài, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Về chế độ tài chính

1. Nguồn tài chính:

a) Ngân sách Nhà nước cấp kinh phí bảo đảm cho hoạt động thường xuyên của Đài Tiếng nói Việt Nam năm 2003 là 168.440 triệu đồng;

b) Các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp của Đài được để lại chi cho các hoạt động theo quy định tại Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp có thu;

c) Đài Tiếng nói Việt Nam được ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2003 từ hoạt động xuất bản báo và quảng cáo trên báo của Đài Tiếng nói Việt Nam để chi cho đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác; hỗ trợ đào

trào, bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định;

d) Nguồn kinh phí tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho Đài theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung chi:

a) Chi cho hoạt động thường xuyên, trong đó chi nhuận bút tối đa không quá 15% tổng số thu theo quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về chế độ nhuận bút;

b) Chi tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác;

c) Được trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định tại Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp có thu.

Các nội dung chi nêu trên không bao gồm các khoản chi: đầu tư xây dựng cơ bản tập trung của Nhà nước; chương trình mục tiêu quốc gia; đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước; chi đào tạo theo chương trình, kế hoạch của Nhà nước. Các khoản chi này được ngân sách nhà nước cấp theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Số kinh phí nêu trên, nếu không sử dụng hết trong năm được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

Điều 5. Đài Tiếng nói Việt Nam được chủ động xây dựng định mức, Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó có nội dung tiền lương, tiền công, thù lao, nhuận bút theo quy định tại Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về chế độ tài chính đơn vị sự nghiệp có thu và Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về chế độ nhuận bút, phù hợp với đặc điểm hoạt động và bảo đảm ổn định thu nhập cho cán bộ, công nhân viên của Đài. Trên cơ sở đó, Đài thống

nhất với các Bộ: Tài chính, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội và Văn hóa - Thông tin để triển khai thực hiện.

Điều 6. Trong năm 2003, khi Nhà nước thay đổi chính sách, chế độ, Đài Tiếng nói Việt Nam tự trang trải các khoản chi tăng thêm theo chính sách, chế độ mới.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2003. Những Quyết định và các văn bản hướng dẫn trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 8. Tổng giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, các Bộ trưởng: Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa - Thông tin, Lao động - Thương binh và Xã hội và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ số 11/2003/CT-TTg ngày 06/5/2003 về việc tăng cường công tác phòng, chống dịch viêm đường hô hấp cấp do virus (SARS).

Ngày 28 tháng 4 năm 2003, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã công nhận Việt Nam khống chế thành công dịch SARS. Tuy nhiên, dịch SARS vẫn diễn biến phức tạp tại một số nước trong khu vực và trên thế giới. Nguy cơ dịch SARS tiếp tục xâm nhập vào nước ta là rất lớn. Để tăng cường

phòng, chống dịch SARS, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

1. Bộ Y tế tiếp tục chỉ đạo các cơ quan y tế tiến hành kiểm tra y tế chặt chẽ những người từ vùng có dịch nhập cảnh Việt Nam; chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Quốc phòng, Giao thông vận tải, Tài chính, Tổng cục Du lịch và Tổng công ty Hàng không dân dụng Việt Nam và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để tổ chức cách ly, theo dõi y tế theo quy định của Bộ Y tế về phòng, chống dịch SARS các trường hợp nhập cảnh từ khu vực có dịch trong thời hạn 10 ngày.

2. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm thông báo cho các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam để thông tin về việc Việt Nam sẽ tổ chức kiểm tra y tế chặt chẽ những người từ vùng có dịch nhập cảnh Việt Nam.

3. Bộ Công an (Cục Quản lý xuất nhập cảnh), Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan), Bộ Giao thông vận tải (Cục Hàng không dân dụng Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Bảo vệ thực vật và Cục Thú y) phối hợp chặt chẽ với Bộ Y tế trong việc tổ chức và thực hiện các biện pháp kiểm dịch y tế tại các cửa khẩu.

4. Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải cung cấp đầy đủ danh sách, địa chỉ, số điện thoại và các thông tin cần thiết của tất cả hành khách nhập cảnh vào Việt Nam từ vùng có dịch đến để Bộ Y tế chỉ đạo các địa phương theo dõi, giám sát.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đặc biệt là các tỉnh biên giới phía Bắc và các thành phố có sân bay, hải cảng, cửa khẩu quốc tế, phối hợp chặt chẽ với Bộ Y tế và các Bộ, ngành liên quan trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động phòng, chống dịch SARS; tăng cường cán bộ, trang thiết bị, phương tiện để